

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

NỘI DUNG

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Lĩnh vực hoạt động

Sơ đồ tổ chức

Mục tiêu và định hướng tương lai

Rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông

III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển tương lai

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
- ❖ Lĩnh vực hoạt động
- ❖ Sơ đồ tổ chức
- ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
- ❖ Rủi ro



Thông tin khái quát

Tên công ty	: Công ty cổ phần chứng khoán FPT
Tên giao dịch	: Công ty cổ phần chứng khoán FPT
Tên viết tắt	: FPTS
Logo	: 
Vốn điều lệ	: 733.323.900.000 đồng (Bảy trăm ba ba tỷ ba trăm hai ba triệu chín trăm ngàn đồng chẵn)
Vốn chủ sở hữu tại 31.12.2012	: 1.092.491.782.034 đồng (Một nghìn không trăm chín hai tỷ, bốn trăm chín một triệu, bảy trăm tám hai nghìn, không trăm ba tư đồng).
Trụ sở chính	: Tầng 2-71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà nội
Điện thoại	: 04.3.7737070
Fax	: 04.3.7739058
Email	: fptsecurities@fpts.com.vn
Website	: www.fpts.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 90/UBCK-GPĐCCTCK ngày 04/12/2007; Giấy phép điều chỉnh số 127/UBCK-GP ngày 09/05/2008; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 06 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp.

Lịch sử hình thành, phát triển

13/07/2007

Công ty cổ phần chứng khoán FPT được cấp phép thành lập và hoạt động theo giấy phép số 59/UBCK-GP của UBCKNN.

24/10/2007

Theo quyết định số 581/QĐ-UBCK của UBCKNN, công ty được chấp thuận về việc lập chi nhánh Hồ Chí Minh, tại Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Q1, TP HCM.

04/12/2007

Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép số 90/UBCK-GPĐCCTCK điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP. Theo đó vốn điều lệ mới của công ty là 440 tỷ đồng.

09/05/2008

Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép số 127/UBCK-GP bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành

09/06/2008

Công ty được chấp thuận thành lập chi nhánh Đà Nẵng, tại Số 09 Nguyễn Văn Linh, Phường Nam Dương, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo quyết định số 392/QĐ-UBCK

13/04/2011

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 26/UBCK-GP cấp điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động với nội dung tăng vốn điều lệ từ 440.000.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tỷ đồng) lên 550.000.000.000 VNĐ

18/06/2012

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 94/UBCK-GP cấp điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động với nội dung tăng vốn điều lệ từ 550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng) lên 733.323.900.000 VNĐ

Lĩnh vực hoạt động và địa bàn kinh doanh

❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

Môi giới chứng khoán

Hoạt động tự doanh chứng khoán

Tư vấn đầu tư chứng khoán

Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Lưu ký và quản lý cổ đông

❖ **Địa bàn kinh doanh:**

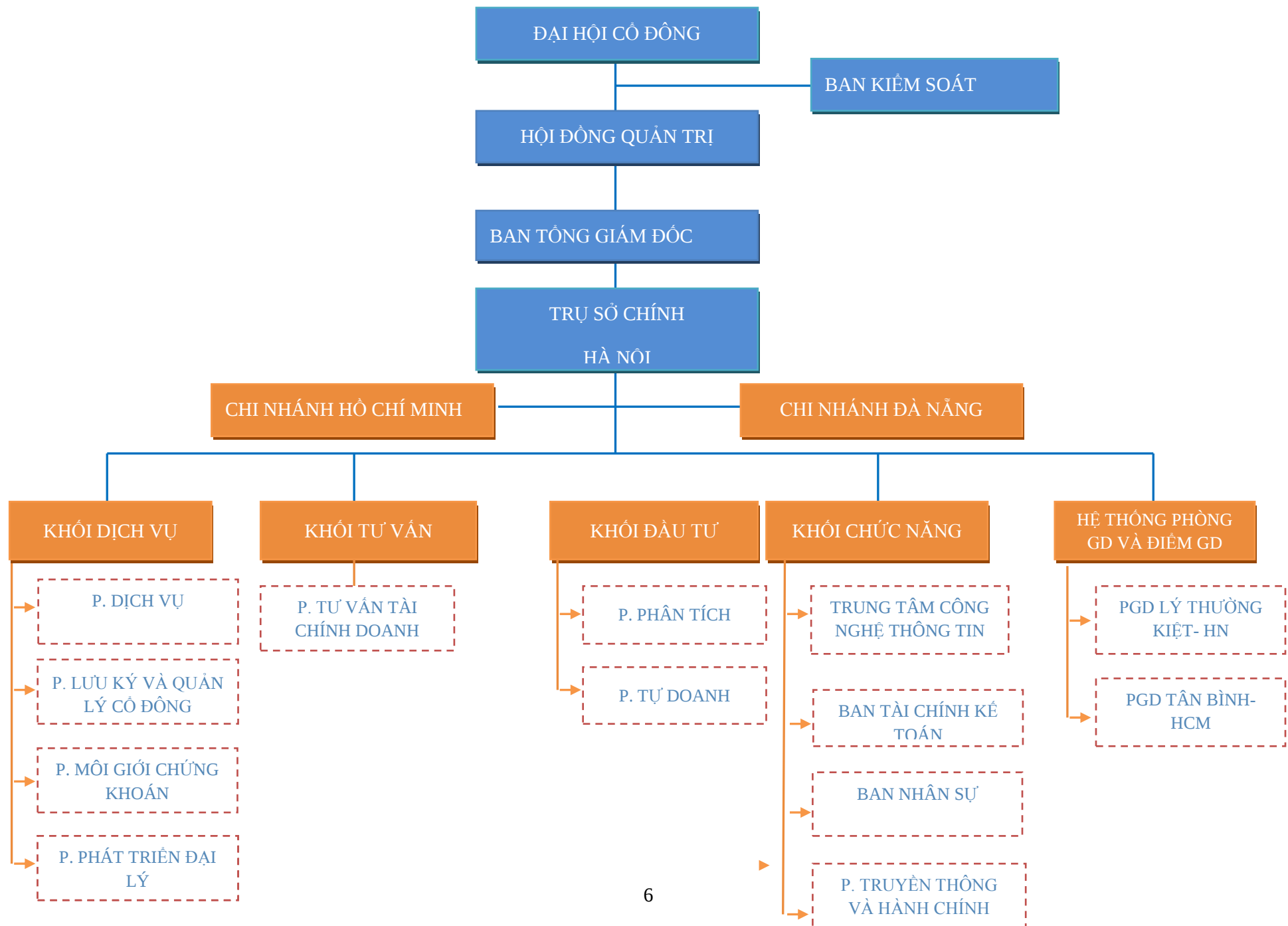
Trụ sở chính tại Hà Nội: Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Công ty có hai chi nhánh:

- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: 29 - 31 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Đà Nẵng: 124 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng, Việt Nam.

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- ❖ Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
 - Mô hình quản trị của công ty CP Chứng khoán FPT bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các trung tâm và phòng ban chức năng.
 - Công ty thực hiện qui định phân cấp thẩm quyền ra quyết định đối với từng cấp quản trị tại qui chế quản trị. Các bộ phận thành lập và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể.
 - Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản trị, quản lý Công ty, đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, ban điều hành.
 - Sơ đồ tổ chức của Công ty cập nhật tại ngày 31.12.2012 như sau:



Mục tiêu và định hướng trong tương lai

Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, lường trước khó khăn, mở rộng phát triển khách hàng. Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ sản phẩm trực tuyến đã có, tiếp tục triển khai các dịch vụ, sản phẩm tiện ích khác phục vụ khách hàng. Công ty hướng tới mục tiêu trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Rủi ro

Rủi ro chiến lược:

Là rủi ro liên quan tới công tác hoạch định, xây dựng, thực hiện chiến lược và định hướng hoạt động của FPTS. Rủi ro chiến lược không những ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mà có thể ảnh hưởng tới sự tồn vong của FPTS. Vì vậy trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động của công ty nhằm thực hiện chiến lược đặt ra phải đảm bảo:

. Quy mô của công ty phải phù hợp với quy mô của thị trường. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới, nhân sự, ... phải phù hợp với tình hình thị trường đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả trong mọi điều kiện thị trường cả lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn.

. Hoạt động tự doanh của công ty không gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của toàn công ty. Lượng vốn hoạt động phân bổ cho hoạt động tự doanh cần được giới hạn tỷ lệ hợp lý, lượng vốn công ty phân bổ cho hoạt động tự doanh không vượt quá 20% (Hai mươi phần trăm) vốn chủ sở hữu của công ty.

. Hoạt động cung ứng, hỗ trợ vốn cho khách hàng không gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của toàn công ty. Lượng vốn hoạt động phân bổ cho hoạt động này không được vượt quá 200% (Hai trăm phần trăm) vốn chủ sở hữu của công ty.

. Công ty xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, đề cao đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng các giá trị của FPTS

. Ứng dụng tối đa các công nghệ mới để xây dựng, duy trì Hệ thống giao dịch tiện ích, hiệu quả cho khách hàng; Hệ thống quản trị nội bộ hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh; Hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến quản trị hiệu quả mọi rủi ro hoạt động và tuân thủ.

. Các quy định, quy trình nội bộ của mọi đơn vị trực thuộc, mọi hoạt động của công ty tuân thủ quy định này nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh, đảm bảo công ty hoạt động an toàn, hiệu quả

Rủi ro thị trường:

Dự báo năm 2013 kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, bất ổn. Các vấn đề cần đặc biệt quan tâm là lạm phát, nợ xấu của hệ thống ngân hàng, hàng tồn kho đặc biệt là bất động sản ... Tình hình thực hiện kế hoạch tái cấu trúc nền kinh tế của Chính phủ sẽ là nhân tố ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế trong năm. Các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh

dự báo chưa khả quan. Tình hình thực hiện kế hoạch tái cấu trúc Thị trường Chứng khoán có ảnh hưởng lớn tới thị trường và hoạt động của các công ty chứng khoán.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản thị trường.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi lãi suất của thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý và có thể cạnh tranh trên thị trường.

Rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường

Các chứng khoán Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, lựa chọn danh mục đầu tư, phân cấp thẩm quyền xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư,... Do giá trị chứng khoán Công ty nắm giữ không nhiều chủ yếu từ việc mua chứng khoán lẻ lẻ vì vậy Công ty đánh giá rủi ro về giá cũng như thanh khoản thị trường đối với chứng khoán tự doanh là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường đối với các khoản cho nhà đầu tư vay giao dịch ký quỹ. Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay liên tục giảm giá có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay của FPTS nếu chậm thu hồi vốn. Nếu thị trường không đủ thanh khoản hoặc mã chứng khoán đó không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy FPTS đã xây dựng quy định quản lý rủi ro riêng cho các giao dịch ký quỹ, xác định tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo một cách hợp lý. Ngoài ra FPTS đã xây dựng phần mềm quản lý, quy định mức cảnh báo, xử lý tự động trong các giao dịch Margin giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Việc cấp tín dụng, hỗ trợ vốn lớn cho một khách hàng hay một nhóm khách hàng có liên quan có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay hoặc khả năng thanh toán của FPTS khi khách hàng hoặc nhóm khách hàng đó gặp vấn đề về khả năng thanh toán. Vì vậy FPTS đã ban hành quy định Hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một khách hàng hay một nhóm khách hàng có liên quan đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

Rủi ro Mã chứng khoán: Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay giảm giá quá nhanh, thậm chí mất hết giá trị hoặc không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy các mã chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo phải có các chỉ tiêu tài chính cơ bản tốt và khối lượng giao dịch lớn để đảm bảo an toàn cho FPTS.

Rủi ro thanh khoản

Quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Rủi ro hoạt động và tuân thủ:

Là rủi ro liên quan đến các hoạt động của FPTS và việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định, quy trình của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Đảm bảo việc phổ biến các chế độ, chính sách của Nhà nước; quy định, quy trình của công ty cho tất cả các đơn vị, cán bộ có liên quan. Nhờ đó giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề về pháp luật. Công ty cũng đã ban hành các quy trình nghiệp vụ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban nghiệp vụ và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty giúp công ty hạn chế những rủi ro hoạt động.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Cơ cấu cổ đông



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012, kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn. Kinh tế Việt Nam ngoài ảnh hưởng từ quốc tế còn phải đối mặt với các vấn đề nội tại như: Lạm phát giảm tốc nhưng chủ yếu do suy giảm tổng cầu nên chưa bền vững, nợ xấu tăng nhanh, tồn kho lớn đặc biệt là bất động sản, số lượng doanh nghiệp phá sản, dừng hoạt động tăng cao... Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp sụt giảm nghiêm trọng. Thị trường chứng khoán năm 2012 thực sự khó khăn với các công ty Chứng khoán. Giá trị giao dịch thấp, nhiều nhà đầu tư quay lưng lại với thị trường chứng khoán. Các công ty chứng khoán cạnh tranh khốc liệt, nhiều công ty chứng khoán thua lỗ, cắt giảm quy mô, thay đổi lãnh đạo cấp cao. Một số công ty chứng khoán bị mất thanh khoản, xin rút nghiệp vụ môi giới/ bị rơi vào diện kiểm soát thậm chí thuộc diện bị kiểm soát đặc biệt.

Trong bối cảnh kinh tế như vậy, trên tinh thần chủ động vượt khó, Công ty đã hoàn thành 93.7% kế hoạch kinh doanh về lợi nhuận.

Trong năm 2012 Công ty nằm trong TOP 10 về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tại cả 2 sàn HOSE và HNX. Thị phần môi giới về cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2012 tại HSX là 3.37%, HNX là 4.061 % (thị phần môi giới năm 2011 tương ứng là HSX là 3.34%, HNX là 4.014%).

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty FPTS	Ngày sinh	Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết sở hữu tại 31/12/2012 (%)	Lý lịch tóm tắt
1	Nguyễn Điệp Tùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	6/9/1968	2.38548	Cử nhân Tài chính Kế toán, đại học Tài chính Kế toán Hà Nội. 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Kế toán

2	Nguyễn Văn Trung	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	3/7/1975	0.72728	Thạc sỹ Tài chính. 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Kế toán
3	Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	26/10/1974	0.09091	Cử nhân Tài chính Kế toán, đại học Tài chính Kế toán Hà Nội. 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Kế toán

Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn: không có

Các công ty con, công ty liên kết: không có

Báo cáo tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,388,428,299,226	1,521,644,110,924	9.59%
Doanh thu thuần	375,515,342,374	236,981,121,847	-36.89%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	199,943,397,460	168,234,342,890	-15.86%
Lợi nhuận khác	200,749,134	368,498,755	83.56%
Lợi nhuận trước thuế	200,144,146,594	168,602,841,645	-15.76%
Lợi nhuận sau thuế	150,562,514,425	126,458,338,902	-16.01%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	36.5%	58.0%	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Năm 2012
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4.91	3.50
	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4.91	3.50
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	20.1	28.2
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	25.1	39.3
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	27	16
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	40.1	53.4
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13.6	11.6
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10.8	8.3
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	53.2	71.0

Phân tích đánh giá các hệ số tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty trong 2 năm đạt mức khá cao trong khoảng từ 3.5 đến 4.9, khả năng thanh toán của Công ty tốt, tiền và các khoản tương đương tiền luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn (60% đến 80%). Trong năm 2012, hệ số an toàn tài chính của Công ty đạt mức 853.44%

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Công ty hiện không có khoản vay nợ ngắn và dài hạn nào. Về cơ cấu vốn nguồn vốn, hệ số nợ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều tăng so với 2011, lý do là năm 2012, số dư tiền của các nhà đầu tư ký quỹ tại FPTTS tăng gấp đôi so với 2011.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động – khả năng sinh lời

Năm 2012 là một năm khó khăn đối với các CTCK khi TTCK có nhiều thời điểm diễn biến hết sức phức tạp, nhà đầu tư gần như quay lưng lại với thị trường. Có nhiều công ty chứng khoán thua lỗ song hầu hết các Công ty đều đạt mức tăng trưởng thấp, nhiều Công ty không đạt được kế hoạch đề ra.

FPTS đã hết sức chủ động trong hoạt động kinh doanh để giảm thiểu rủi ro từ biến động của thị trường. Doanh thu năm 2012 đạt 237 tỷ, giảm 37% so với 2011. Tuy năm 2012 chỉ tiêu khả năng sinh lời của FPTS (LNST/VSCH và LNST/TTS) có giảm nhẹ, song mức LNST/DTT và LN hoạt động KD/DTT vẫn ở mức khá cao và tăng so với 2011. Năm 2012, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 550 lên 733 tỷ đồng trong tháng 6, do vậy các hệ số sinh lời trên VCSH giảm nhẹ.

Thông tin cổ đông

Cổ phần:

Đến 31/12/2012, tổng số cổ phần của Công ty cổ phần chứng khoán FPT là 73.332.390 CP

Trong đó :

- Số cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng đang lưu hành : 73.332.390 CP
- Số cổ phần ưu đãi, hạn chế chuyển nhượng : 0 CP

Cơ cấu cổ đông

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu trở lên có quyền biểu quyết	14,666,666	20.00	14,666,666	20.00
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	22,561,764	30.77		-
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	21,375,830	29.15	61,464	0.08

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2012:

Đầu tháng 6/2012 FPTS đã thực hiện tăng vốn điều lệ công ty từ nguồn thặng dư vốn đưa vốn điều lệ của Công ty lên mức 733,323,900,000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2012, công ty không thực hiện giao dịch liên quan đến cổ phiếu quỹ

Các chứng khoán khác: Không có

III.BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Kế hoạch phát triển trong năm 2013



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu kinh doanh thuần toàn Công ty năm 2012 là 236.98 tỷ đồng. Chi tiết cho các hoạt động kinh doanh chính như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Doanh thu Môi giới	54.88	23.2%
Doanh thu Tự doanh	1.20	0.5%
Doanh thu Tư vấn	31.68	13.3%
Doanh thu Khác	149.22	63.0%
Tổng cộng Doanh thu kinh doanh	236.98	100.00%

Trong năm 2012 Công ty đã mở mới 9,110 tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2012 là 76,686 tài khoản.

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2011	% tăng trưởng
Doanh số kinh doanh (tỷ đồng)	236.98	375.52	-36.89%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	168.60	200.14	-15.76%

Những kết quả công ty đã đạt được :

Trong năm 2012 FPTS đã xây dựng và đưa vào sử dụng các sản phẩm trực tuyến mới và được khách hàng đánh giá cao:

- EzMobileTrading phiên bản cho iPhone, iPad, WindowsPhone, Android
- EzDiscuss: Tư vấn đầu tư trực tuyến
- EzDeal: Đặt lệnh quảng cáo giao dịch thỏa thuận trực tuyến
- EzHRM: Hệ thống quản trị nhân sự hiệu quả cho doanh nghiệp

Đồng thời FPTS tiếp tục nâng cấp thêm các tính năng mới cho các sản phẩm đang có trong bộ sản phẩm giao dịch trực tuyến (Ez) và chú trọng việc tự động hoá các quy trình nội bộ liên quan đến hệ thống giao dịch, quản trị rủi ro.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2012

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	36.364.609.300	34.584.908.500	1.602.592.895	4,43%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.052.502.615	916.753.987	135.748.628	12,9%
Máy móc thiết bị	32.619.470.387	31.263.847.329	1.350.693.016	4,14%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.692.636.298	2.404.307.184	116.151.251	4,6%
Tài sản cố định vô hình	24.119.123.019	20.761.896.670	3.357.226.349	35,57%
Bản quyền, bằng sáng chế	7.163.543.334	3.887.727.511	3.275.815.823	45,73%
Phần mềm máy vi tính	16.588.002.785	16.506.592.259	81.410.526	0,5%
TSCĐVH khác	367.576.900	367.576.900	-	0,00%
Tổng cộng	60.306.624.414	55.346.805.170	4.959.819.244	8,22%

Tình hình đất đai của Công ty tại thời điểm 31/12/2012

Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời gian thuê	Mục đích sử dụng
Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	750 m ²	6 năm, 4 tháng kể từ ngày 01/01/2008	Trụ sở giao dịch FPTS Hà Nội
21 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, HN	40 m ²	Từ 15/10/2010 đến 15/10/2013	PGD Lý Thường Kiệt
124 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Tầng 1: 85 m ² Tầng 2: 101 m ²	Từ 20/10/2008 đến 31/12/2011	Trụ sở Chi nhánh Đà Nẵng
29 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TPHCM	187.61 m ²	5 năm; Thời hạn thuê đến 1/12/2014	Trụ sở chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
31 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TPHCM	176 m ²	5 năm; Thời hạn thuê đến 10/5/2014	
65 Lý Thường Kiệt, Quận Tân Bình, Hồ Chí Minh	194 m ²	5 năm từ 1/12/2009 đến 30/11/2014	Phòng Giao dịch Tân Bình

Tình hình nợ phải trả

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2012	Thời hạn dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 5 năm	Trên 5 năm
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.195.058.321.822		
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	56.027.054.524		
- <i>Chứng khoán thương mại</i>	6.027.054.524		
- <i>Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi tiết kiệm)</i>	50.000.000.000		
Phải thu khách hàng	187.000.000	172.000.000	
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	241.567.522.504		
Các khoản phải thu khác	2.866.432.922		
Tổng cộng	1.495.706.331.772	172.000.000	

Nợ phải trả tài chính			
Phải trả cho người bán	27.590.991		
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	402.259.629.238		
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	872.570.000		
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	9.011.322.813		
Tổng Cộng	412.171.113.042		

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Kế hoạch phát triển trong năm 2013

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2012	% tăng trưởng
Doanh số kinh doanh (tỷ đồng)	236	236.98	-0.41%
Trong đó:			
<i>Doanh thu Môi giới</i>	<i>54</i>	<i>54.88</i>	
<i>Doanh thu Tự doanh</i>	<i>2</i>	<i>1.2</i>	
<i>Doanh thu Tư vấn</i>	<i>31</i>	<i>31.68</i>	
<i>Doanh thu Khác</i>	<i>149</i>	<i>149.22</i>	
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	180	168.6	6.76%
Nhân viên(người)	200	197	1.52%
Số tài khoản khách hàng	100,000	76,686	30.40%

Các mục tiêu khác:

- Môi giới:
 - Thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ 5% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường.
 - Giữ vị trí trong Top 10 về thị phần môi giới.
- Tư vấn:
 - Tư vấn phát hành, cổ phần hóa, niêm yết.
 - Tư vấn M&A và Hoàn thiện doanh nghiệp.
- Tự doanh:
 - Chú trọng quản trị rủi ro.
- Nhân sự:
 - Chú trọng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ.
 - Về cơ bản giữ nguyên cơ cấu, tổ chức, nhân sự, qui mô, chỉ tăng từ 197 nhân viên đầu năm 2013 lên 200 nhân viên vào cuối năm 2013
- Công nghệ:
 - Tiếp tục xây dựng thêm nhiều sản phẩm dịch vụ tiện ích, đi đầu trong việc đưa ra các sản phẩm Online. Duy trì vận hành an toàn, ổn định hệ thống.

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ❖ Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- ❖ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2012 Công ty nằm trong TOP 10 về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tại cả 2 sàn HSX và HNX. Thị phần môi giới về cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2012 tại HSX là 3.37%, HNX là 4.061 % (thị phần môi giới năm 2011 tương ứng là HSX là 3.34%, HNX là 4.014%).

Năm 2012 Công ty tiếp tục nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm, dịch vụ tiện ích cho các nhà đầu tư (bộ sản phẩm trực tuyến Ez), triển khai được rất nhiều hoạt động phục vụ cho sự phát triển lâu dài và bền vững.

Năm 2012, về cơ bản công ty giữ nguyên quy mô, cơ cấu, tổ chức, nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

a. Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh

Trong năm 2012, trên tinh thần chủ động vượt khó, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh khá trong điều kiện thị trường rất khó khăn, tuy nhiên do điều kiện thị trường nên công ty mới chỉ hoàn thành 93.7% kế hoạch kinh doanh về lợi nhuận.

b. Việc tổ chức và điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày

Năm 2012, tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý.

Công ty chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đề cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng. Tính đến thời điểm 31/12/2012 tổng số cán bộ và nhân viên của Công ty là 197 người.

Công ty đã không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

Các kế hoạch năm 2013 của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào tình hình kinh doanh hiện tại và dự kiến tình hình thị trường năm 2013, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2013 như sau:

Chỉ tiêu	KH2013	TH2012	% tăng trưởng
Doanh thu hoạt động kinh doanh	236.00	236.98	-0.41%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	180.00	168.60	6.76%
Nhân viên (người)	200.00	197.00	1.52%
Số tài khoản khách hàng	100,000	76,686	30.40%

Thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trung bình năm là 5%. Giữ vị trí trong Top 10 về thị phần môi giới.

Tiếp tục hoàn thiện bộ sản phẩm trực tuyến đã có, tiếp tục triển khai các dịch vụ, sản phẩm tiện ích khác phục vụ khách hàng.

Tiếp tục xây dựng và cung cấp các sản phẩm Tư vấn cho các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư và các nhà đầu tư cá nhân.

Chú trọng quản trị rủi ro trong hoạt động tự doanh.

Hoàn thiện các ứng dụng quản trị nội bộ.





V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát



Hội đồng quản trị

- a. *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Chức danh HĐQT tại các công ty khác	Số cổ phiếu FPTS sở hữu tại 31/12/2012	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Điệp Tùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	-	1,749,333	2.38548
2	Đỗ Sơn Giang	Thành viên HĐQT - Không điều hành	-	184,000	0.25091
3	Nguyễn Văn Trung	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	-	533,333	0.72728
4	Nguyễn Khắc Thành	Thành viên HĐQT- Độc lập	Thành viên HĐQT - Trường Đại học FPT	106,666	0.14546
5	Megumu Motohisa	Thành viên HĐQT - Không điều hành	Chủ tịch HĐQT của CTCP Quản lý quỹ đầu tư FPT (từ 22/3/2013)	0	0

- b. *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:* Chưa có

- c. *Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Năm 2012, Hội đồng Quản trị của Công ty đã tổ chức họp và có các chỉ đạo kịp thời với các nội dung chính sau:

- Thông qua các nội dung của chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2012
- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh các quý và năm 2012.
- Phê duyệt kết quả phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.
- Thông qua việc tái bổ nhiệm ông Nguyễn Điệp Tùng vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- Thông qua kế hoạch triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để miễn nhiệm 1 thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế cho thành viên miễn nhiệm.
- Thông qua phương án thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012
- Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2012.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Ông Nguyễn Khắc Thành –Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành đã tham dự các buổi họp HĐQT (hoặc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT trong trường hợp không dự họp trực tiếp), tham gia đóng góp ý kiến cho Công ty trong việc hoạch định kế hoạch SXKD.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty đang trong quá trình thiết lập bộ phận quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị theo thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Nguyễn Điệp Tùng
- Nguyễn Văn Trung

Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty FPT	Số cổ phiếu sở hữu tại 31/12/2012	Tỉ lệ cổ phiếu sở hữu tại 31/12/2012 (%)
1	Đỗ Thị Hương	Trưởng Ban kiểm soát	13	0.00002
2	Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	40,000	0.05455
3	Kenichi Abe	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2012.
- Tham gia các buổi họp HĐQT định kỳ hàng quý.
- Tham gia các buổi làm việc của Ban lãnh đạo Công ty CP Chứng khoán FPT về kế hoạch ứng phó của Công ty trước các diễn biến phức tạp của kinh tế vĩ mô và thị trường Tài chính trong nước và quốc tế;
- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện hàng quý;
- Tham gia các cuộc họp HĐQT bất thường: Thông qua kế hoạch triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT thay thế cho thành viên miễn nhiệm; tái bổ nhiệm ông Nguyễn Điệp Tùng làm Tổng giám đốc Công ty.
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban Tổng giám đốc và Ban Tài chính kế toán chuẩn bị;
- Tham gia các buổi làm việc về Chiến lược hoạt động của Công ty chứng khoán FPT.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:*

Năm 2012 mọi thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

c) *Các giao dịch nội bộ liên quan đến các đối tượng có liên quan (gồm mối quan hệ, số phát sinh trong năm, nội dung giao dịch và số dư cuối năm): (ĐVT : VND)*

Tên đối tượng	Quan hệ	Nội dung giao dịch	GTGD năm 2012	Số dư cuối năm
Công ty cổ phần FPT	Cổ đông lớn (20% Vốn điều lệ)	Phí lưu ký, chuyển khoản chứng khoán, tổ chức ĐHCĐ, đại lý trái phiếu, EZSearch, chi hệ cổ tức..	498,030,415	0
		Dịch vụ đào tạo Mini MBA	41,666,039	0
		Ủy quyền giám sát giao dịch mua bán TPCP	205,512,800,000	0
CT TNHH Dịch vụ HTTT FPT	Bên có liên quan- CTCP FPT góp 100% vốn	Mua Token card, thiết bị tin học	1,255,357,400	0
CN tại TP.HCM CT TNHH dịch vụ HTTT FPT	Bên có liên quan- CTCP FPT góp 100% vốn	Bảo hành thiết bị tin học	2,970,000	0
CT TNHH Phân phối FPT	Bên có liên quan- CTCP FPT góp 100% vốn	Mua thiết bị tin học	91,732,300	0
CN CT TNHH Phân phối FPT	Bên có liên quan- CTCP FPT góp 100% vốn	Mua thiết bị tin học	246,250,000	0
CT TNHH Dịch vụ tin học FPT	Bên có liên quan- CTCP FPT góp 100% vốn	Bảo hành thiết bị tin học	190,105,500	0

CN CTTNHH dịch vụ tin học FPT	Bên có liên quan- CTCP FPT góp 100% vốn	Bảo hành thiết bị tin học	4,988,500	0
CTCP Đô thị FPT Đà Nẵng	Bên có liên quan- CTCP FPT góp 99.68% vốn	Phí chuyển nhượng CK	69,609,000	0

Ngoài các thông tin, giao dịch với các đối tượng có liên quan kể trên, Công ty cổ phần chứng khoán FPT không có bất cứ đối tượng, giao dịch nào khác thuộc đối tượng có liên quan chưa được cung cấp.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã xây dựng qui chế quản trị công ty. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản trị, quản lý Công ty, đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, ban điều hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3.8205 944 - (08) 3.8205 947 • Fax : (08) 3.8205 942
Email: info@aascs.com.vn • Website: www.aascs.com.vn

Số: 100/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được lập ngày 21 tháng 2 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 46 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm 2012 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh

Chứng chỉ KTV Đ 0064/KTV

Kiểm toán viên

Đàm Minh Thuy

Chứng chỉ KTV 1547/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,500,359,508,607	1,370,810,695,402
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,195,058,321,822	886,447,279,615
1. Tiền	111		420,058,321,822	886,447,279,615
2. Các khoản tương đương tiền	112		775,000,000,000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	55,937,959,902	5,286,569,050
1. Đầu tư ngắn hạn	121		56,027,054,524	5,387,041,853
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(89,094,622)	(100,472,803)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		246,721,141,226	476,141,877,632
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	359,000,000	22,808,720,604
2. Trả trước cho người bán	132		2,100,185,800	299,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.3	241,567,522,504	453,294,810,490
5. Các khoản phải thu khác	138	V.3	2,866,432,922	210,047,538
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.9	(172,000,000)	(172,000,000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	12,063,840	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,630,021,817	2,934,969,105
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,540,410,028	2,694,147,740
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.3	3,827,717	768,172
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		22,784,072	165,578,657
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		63,000,000	74,474,536
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		21,284,602,317	17,617,603,824
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		4,959,819,244	10,554,633,108

1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	1,602,592,895	3,344,769,443
- Nguyên giá	222		36,187,501,395	36,364,609,300
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(34,584,908,500)	(33,019,839,857)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	3,357,226,349	7,209,863,665
- Nguyên giá	228		24,119,123,019	24,131,801,481
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(20,761,896,670)	(16,921,937,816)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253			
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254			
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
4. Đầu tư dài hạn khác	258			
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.7	16,324,783,073	7,062,970,716
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.1	318,998,387	674,323,804
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.7.2	7,748,020,936	5,910,883,162
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.7.3	8,257,763,750	477,763,750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,521,644,110,924	1,388,428,299,226

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		429,152,328,890	279,006,214,651
I. Nợ ngắn hạn	310	V.8	429,152,328,890	279,006,214,651
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			-
2. Phải trả người bán	312	V.8.1	27,590,991	13,577,882,560

3. Người mua trả tiền trước	313	V.8.2	544,936,608	990,191,608
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8.3	5,935,745,069	16,315,019,016
5. Phải trả người lao động	315	V.8.4	4,473,758,709	5,055,449,000
6. Chi phí phải trả	316			-
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.8.5	402,259,629,238	231,020,902,132
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.8.6	872,570,000	54,015,000
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.8.7	9,011,322,813	6,429,662,296
11. Phải trả tổ chức phát hành trái phiếu	322			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.8.8	6,026,775,462	5,563,093,039
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn (*)	329			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư (*)	359			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1,092,491,782,034	1,109,422,084,575
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	1,092,491,782,034	1,109,422,084,575
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		733,323,900,000	550,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		201,676,100,000	385,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		17,400,572,291	9,872,446,570
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17,400,572,291	9,872,446,570
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		122,690,637,452	154,677,191,435
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1,521,644,110,924	1,388,428,299,226

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính:
VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.11	237,085,940,029	376,010,024,189
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.1		50,811,077,413	51,462,077,782
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.2		1,199,814,473	7,381,721,530
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.3			
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	1.4		180,000,000	400,000,000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.5		31,789,222,142	244,237,694,002
- Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.6		3,884,118,039	2,519,527,992
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	1.7			
- Doanh thu chi thuê sử dụng tài sản	1.8			
- Doanh thu khác	1.9		149,221,707,962	70,009,002,883
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.12	104,818,182	494,681,815
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	V.13	236,981,121,847	375,515,342,374
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	V.14	36,869,281,330	143,223,733,013
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		200,111,840,517	232,291,609,361
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.15	31,877,497,627	32,348,211,901
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20- 25)	30		168,234,342,890	199,943,397,460
8. Thu nhập khác	31		7,759,931,359	6,878,802,463
9. Chi phí khác	32		7,391,432,604	6,678,053,329
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		368,498,755	200,749,134
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		168,602,841,645	200,144,146,594
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	42,144,502,743	49,581,632,169
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	V.17	126,458,338,902	150,562,514,425
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,949	2,882

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		168,602,841,645	200,144,146,594
2. Điều chỉnh cho các khoản			(94,935,508,314)	14,826,325,051
- Khấu hao TSCĐ	2		6,035,466,165	8,432,750,924
- Các khoản dự phòng	3		(11,378,181)	94,536,957
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(148)	(43,195,585)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(100,959,596,150)	(68,960,156,404)
- Chi phí lãi vay	6			75,302,389,159
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		73,667,333,331	214,970,471,645
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		228,931,933,311	1,541,439,284,752
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12,063,840)	25,580,635
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		157,179,262,831	(1,513,060,144,573)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		509,063,129	(427,789,682)
- Tiền lãi vay đã trả	13			(75,302,389,159)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(49,641,333,758)	(46,369,137,242)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(24,209,706,794)	(267,151,483,139)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		386,424,488,210	(145,875,606,763)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(440,652,301)	(502,528,505)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			6,300,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			72,862,260
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		100,959,596,150	68,953,856,404

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		50,518,943,849	68,530,490,159
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	495,000,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	11,722,000,000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	130,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(180,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(128,332,390,000)	(27,500,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(128,332,390,000)	429,222,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		308,611,042,059	351,876,883,396
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		886,447,279,615	534,527,200,634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		148	43,195,585
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V-1	1,195,058,321,822	886,447,279,615

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Điệp Tùng